

Bản án số: 279/2019/DS-PT

Ngày: 10 - 7 - 2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 488/2018/TLPT–DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1306/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn NĐ, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 63, ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Lưu L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Lạc H, số 65/1 ấp R3, khu phố 4, Phường 10, thành phố R4, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Văn BĐ, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956 (có mặt).

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An.

3. Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, ông Trần Văn NĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-9-2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn NĐ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 295 do Ủy ban nhân dân huyện R cấp cho ông vào khoảng năm 1980 đến năm 1982, trước đó đất là của người khác bỏ đi không sử dụng, ông không phải khai hoang. Thửa 375 của ông BĐ đã đến ở trước ông, ở vào năm nào thì ông không nhớ, sau đó ông BĐ có bỏ đi một thời gian rồi quay trở lại tiếp tục ở, ông không nhớ trở lại năm nào. Khu D từ năm 1979 đến nay do ông BĐ trực tiếp sử dụng.

Thửa 375 và 295 không có ranh để xác định, không thể hiện ranh giới trên thực địa, ông chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định khu D là của ông. Trên đất tranh chấp hiện nay có 02 cây me, 01 cây dừa, 01 chuồng heo (nhà kho), 09 cây bạch đàn, 03 cây tràm bông vàng, tất cả cây của bên ông BĐ trồng và chuồng heo bên ông BĐ làm, cây ông BĐ trồng đã lâu, ông không nhớ ông BĐ trồng năm nào.

Ông yêu cầu ông Lê Văn BĐ phải trả lại phần đất lấn chiếm vị trí D diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp R1, xã R2, ông Trần Văn NĐ đã được Ủy ban nhân dân huyện R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo mảnh trích đo địa chính số 12-2017 ngày 18/12/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện R duyệt ngày 19/12/2017).

Ông yêu cầu ông BĐ di dời cây trồng và tài sản trên đất, không yêu cầu định giá tài sản trên đất.

Bị đơn, ông Lê Văn BĐ trình bày:

Nguồn gốc đất thửa 375 do ông khai hoang và về ở từ năm 1979, sau này được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông NĐ về ở cạnh bên

đất ông khoảng năm 1980. Cây do ông trồng trên đất đang tranh chấp gồm 02 cây me, 01 cây dừa, 01 chuồng heo (nhà kho), 09 cây bạch đàn, 03 cây tràm bông vàng, những cây này ông trồng làm ranh, cây trồng lâu nhất là cây bạch đàn khoảng năm 1980. Lúc ông trồng cây và làm chuồng heo (nhà kho) ông NĐ không có ý kiến gì. Ông không yêu cầu định giá cây trồng và tài sản trên đất. Nếu đất là của ông NĐ thì ông tự nguyện di dời tài sản trên đất tranh chấp. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông NĐ, ông yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện R đã cấp cho ông Trần Văn NĐ đối với phần đất vị trí D diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn NĐ, thống nhất như trình bày của ông Trần Văn NĐ, không bổ sung gì thêm.

Bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn BĐ thống nhất như trình bày của ông BĐ, không bổ sung gì thêm.

Ủy ban nhân dân huyện R:

- Tại văn bản số 723/UBND-TNMT ngày 24/8/2018, có nội dung: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số I 174191 ngày 24/10/1996 thửa 295, tờ bản đồ số 3 là cấp cho cá nhân ông Trần Văn NĐ; việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 565031 ngày 02/6/2006 đối với thửa 295, tờ bản đồ số 3, ghi cấp cho hộ ông Trần Văn NĐ là sai sót trong quá trình lập hồ sơ, in ấn tài liệu của cơ quan chuyên môn. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật

- Tại văn bản số 159/UBND-TNMT ngày 02/3/2018, có nội dung: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn NĐ đối với hai thửa đất số 297, 295; ông Lê Văn BĐ đối với hai thửa đất số 375, 299 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Khi cấp giấy cho ông NĐ và ông BĐ trên cơ sở đăng ký của chủ sử dụng đất, cơ quan chuyên môn không có đo đạc thực tế và cắm mốc các thửa đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 101, Điều 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn NĐ yêu cầu ông Lê Văn BĐ phải trả lại phần đất lấn chiếm vị trí D diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp R1, xã R2, yêu cầu ông BĐ di dời cây trồng và tài sản trên đất tranh chấp;

Xác định khu D, diện tích 192m², tọa lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn BĐ. Theo mảnh trích đo địa chính số 12-2017 ngày 18/12/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện R duyệt ngày 19/12/2017.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn BĐ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện R đã cấp cho ông Trần Văn NĐ đối với phần đất vị trí D diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295.

Hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 590/QĐ.UB ngày 24/10/1996 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện R đối với diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tại khu D; hủy một phần quyết định cấp lại cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1849/QĐ-UB ngày 02/6/2006 của Ủy ban nhân dân huyện R đối với diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tại khu D; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 565031 ngày 02/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện R đã cấp cho ông NĐ đối với diện tích 192m², thuộc một phần thửa 295 tại khu D (theo mảnh trích đo địa chính số 12-2017 ngày 18/12/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện R duyệt ngày 19/12/2017).

Ông Trần Văn NĐ và ông Lê Văn BĐ có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 11/11/2018, nguyên đơn – ông Trần Văn NĐ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Văn NĐ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NĐ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông Lê Văn BĐ phải trả lại phần đất lấn chiếm vị trí D có diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An và yêu cầu ông BĐ phải di dời toàn bộ cây trồng và tài sản trên đất. Bởi lý do, ông NĐ đã đăng ký kê khai năm 1995, tại thời điểm cấp không ai khiếu nại, dù thực tế ông BĐ đang sử dụng nhưng không khiếu nại về việc Ủy ban cấp giấy cho ông NĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Văn BĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn NĐ, giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Ủy ban nhân dân huyện R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở cấp đại trà, không đo đạc cắm mốc giáp ranh. Thực tế ông BĐ sử dụng phần đất tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm ông NĐ không xuất trình tình tiết khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông NĐ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Long An có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Phần đất tranh chấp tại vị trí D có diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3, toạ lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân huyện R cấp cho ông Trần Văn NĐ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số I 174191 ngày 24/10/1996 và cấp đổi giấy số AE 565031 ngày 02/6/2006 (Theo mảnh trích đo địa chính số 12-2017 ngày 18/12/2017 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện R duyệt ngày 19/12/2017). Liên kề với phần đất của ông Trần Văn NĐ là thửa đất số 375, tờ bản đồ số 3 của ông Lê Văn BĐ đã được Ủy ban nhân dân huyện R cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 174164 ngày 24/10/1996.

[2.2] Theo khai nhận thống nhất của các đương sự cũng như Công văn số 159/UBND-TNMT ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Long An thì thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NĐ và ông BĐ, cơ quan chuyên môn không tiến hành đo đạc thực tế cũng như cắm mốc các thửa đất mà chỉ dựa trên cơ sở đăng ký của chủ sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.3] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2018; Biên bản hoà giải các ngày 17/01/2018 và 17/9/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông NĐ đều xác định ông Lê Văn BĐ là người trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1979 đến nay. Quá trình sử dụng, ông BĐ có trồng 02 cây me, 01 cây dừa, 09 cây bạch đàn, 03 cây tràm bông vàng và xây dựng 01 chuồng heo (nhà kho) nhưng ông NĐ không có ý kiến. Như vậy, xét đến thời điểm ông NĐ khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất (năm 2017), ông BĐ đã sử dụng ổn định phần đất này được 38 năm. Căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp”*, Hội đồng xét xử xác định phần đất tranh chấp tại vị trí D thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lê Văn BĐ, cần huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện R đã cấp cho ông Trần Văn NĐ đối với phần đất này. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn NĐ về việc buộc ông Lê Văn BĐ phải trả lại phần đất lấn chiếm vị trí D, diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An và yêu cầu ông BĐ di dời cây trồng cùng tài sản trên đất tranh chấp là có cơ sở.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn NĐ, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.5] Các phần khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn NĐ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn NĐ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 101, Điều 203 Luật Đất đai 2013;

- Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn NĐ về việc buộc ông Lê Văn BĐ phải trả lại phần đất lấn chiếm vị trí D, diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An và yêu cầu ông BĐ di dời cây trồng cùng tài sản trên đất tranh chấp.

Xác định khu D, diện tích 192m², tọa lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn BĐ. (Theo mảnh trích đo địa chính số 12-2017 ngày 18/12/2017 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện R duyệt ngày 19/12/2017).

2/ Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn BĐ về việc huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Long An đã cấp cho ông Trần Văn NĐ đối với phần đất vị trí khu D, diện tích 192m² thuộc một phần thửa 295.

Huỷ một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 590/QĐ.UB ngày 24/10/1996 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện R đối với phần đất tại khu D, diện tích 192m², thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An.

Huỷ một phần Quyết định cấp lại cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1849/QĐ-UB ngày 02/6/2006 của Ủy ban nhân dân huyện R đối với phần đất tại khu D, diện tích 192m², thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An.

Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 565031 ngày 02/6/2006 do Ủy ban nhân dân huyện R đã cấp cho ông Trần Văn NĐ đối với phần đất tại khu D, diện tích 192m², thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp R1, xã R2, huyện R, tỉnh Long An.

(Theo mảnh trích đo địa chính số 12-2017 ngày 18/12/2017 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện R duyệt ngày 19/12/2017).

Ông Trần Văn NĐ và ông Lê Văn BĐ có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn NĐ phải chịu 384.000 (ba trăm tám mươi bốn) nghìn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004596 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Ông Trần Văn NĐ còn phải nộp thêm số tiền là 84.000 (tám mươi bốn nghìn) đồng.

4/ Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Trần Văn NĐ phải chịu 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận ông Trần Văn NĐ đã nộp xong toàn bộ số tiền trên.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn NĐ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000177 ngày 14/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba

Đặng An Thanh

Trần Thị Hòa Hiệp